TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 15 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN; địa chỉ trụ sở: Số 108 THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Bình: Ông Huỳnh Tấn T – Phó Phòng tổng hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN – Chi nhánh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 216/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 27/01/2022) (có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC; Địa chỉ trụ sở: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Anh Lê Văn C1 – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh Lê Văn C1, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2/ Ông Lê Tấn K, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3/ Bà Khưu Thị D, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4/ Chị Tống Thị Bảo D1, sinh năm 1990; cư trú tại: Số 66 NVX, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5/ Bà Lê Thị Lệ E, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6/ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8/ Ông Đặng Văn X, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

9/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

10/ Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

11/ Anh Nguyễn Văn T2; cư trú tại: Ấp BB 2, xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

12/ Bà Nguyễn Thị L1; cư trú tại: Ấp BB 2, xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC (sau đây gọi là Công ty GC) vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi là Ngân hàng CT) theo 04 Hợp đồng cho vay và 01 khoản nhận nợ bắt buộc thanh toán L/C, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.088.206/2021-HĐCVHM/NHCT860 - CT GC ngày 04/11/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 01-21.088.206/2021-HĐCV-SĐBS01/NHCT860 - CT GC ngày 28/01/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 02-21.088.206/2021-HĐCV-SĐBS02/NHCT860 - CT GC ngày 02/03/2022; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 03-21.088.206/2021-HĐCV-SĐBS03/NHCT860 - CT GC ngày 03/03/2022, cụ thể:

Hạn mức cho vay: 70.000.000.000 VNĐ

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản.

Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay trong hạn: Đối với USD là 6,2%/năm; Đối với VNĐ là 9%/năm;

Lãi suất cho vay quá hạn: Đối với USD là 9,3%/năm; Đối với VNĐ là 13,5%/năm.

Thời hạn duy trì Hợp đồng cho vay: 03/11/2022

Thời hạn cho vay: 04 tháng/giấy nhận nợ

Gốc trả vào trước hoặc ngay ngày đáo hạn (tối đa 04 tháng), lãi trả hàng tháng vào ngày 26.

Số tiền đã giải ngân: 2.272.000 USD và 18.000.000.000 VNĐ theo 15 Giấy nhận nợ (chi tiết kèm theo Đơn khởi kiện).

Số tiền đã trả: 102.981 USD

Số tiền còn nợ tính đến ngày 17/04/2023 là 2.279.574,18 USD và 19.311.752.416 VNĐ, gồm: Nợ gốc là 2.169.018,96 USD và 18.000.000.000 VNĐ, Nợ lãi là 110.555,22 USD và 1.311.752.416 VNĐ.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.067.011/2020-HĐCVDADT/NHCT860- CT TNHH MTV TS GC ngày 16/01/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.067.011/2020-HĐCVDADT-SĐBS01/NHCT860- CT TNHH MTV TS GC ngày 17/07/2020, cụ thể:

Số tiền cam kết cho vay: 10.000.000.000 VNĐ

Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng nhà làm việc: phục vụ kinh doanh sơ chế và bảo quản tôm nguyên liệu.

Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay trong hạn: 12,5%/năm;

Lãi suất cho vay quá hạn: 18,75%/năm.

Thời hạn duy trì Hợp đồng cho vay: 17/01/2025

Thời hạn cho vay: 57 tháng

Gốc 03 tháng/lần vào ngày 26, lãi trả hàng tháng vào ngày 26.

Số tiền đã giải ngân: 10.000.000.000 VNĐ theo 03 Giấy nhận nợ (kèm theo Đơn khởi kiện).

Số tiền đã trả: 4.770.000.000 VNĐ

Số tiền còn nợ tính đến ngày 17/04/2023 là 5.613.812.599 VNĐ, gồm: Nợ gốc là 5.230.000.000 VNĐ, Nợ lãi là 383.812.599 VNĐ.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 21.088.118/ 2021-HĐCVDADT/NHCT860- CT GC ngày 17/06/2021, cụ thể:

Số tiền cam kết cho vay: 9.000.000.000 VNĐ.

Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng nhà làm việc: phục vụ kinh doanh sơ chế và bảo quản tôm nguyên liệu (giai đoạn 1) mà Công ty GC đã ứng nguồn vốn chủ sở hữu để thanh toán.

Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay trong hạn: 12,5%/năm;

Lãi suất cho vay quá hạn: 18,75%/năm.

Thời hạn duy trì Hợp đồng cho vay: 17/06/2026

Thời hạn cho vay: 60 tháng

Gốc 03 tháng/lần vào ngày 26, lãi trả hàng tháng vào ngày 26.

Số tiền đã giải ngân: 9.000.000.000 VNĐ theo 01 giấy nhận nợ (kèm theo đơn khởi kiện).

Số tiền đã trả: 2.250.000.000 VNĐ

Số tiền còn nợ tính đến ngày 17/04/2023 là 7.265.765.232 VNĐ, gồm: Nợ gốc là 6.750.000.000 VNĐ, nợ lãi là 515.765.232 VNĐ.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 21.088.123/ 2021-HĐCVDADT/NHCT860- CT GC ngày 21/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01-21.088.123/ 2021-HĐCVDADT-SĐBS01/NHCT860- CT GC ngày 27/08/2021.

Số tiền cam kết cho vay: 15.000.000.000 VNĐ

Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng nhà làm việc: phục vụ kinh doanh sơ chế và bảo quản tôm nguyên liệu (giai đoạn 2) (bao gồm giải ngân nguồn vốn mà Công ty GC đã ứng vốn thuộc sở hữu).

Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay trong hạn: 12,5%/năm;

Lãi suất cho vay quá hạn: 18,75%/năm.

Thời hạn duy trì Hợp đồng cho vay: 06/09/2027

Thời hạn cho vay: 74 tháng

Gốc 03 tháng/lần vào ngày 26, lãi trả hàng tháng vào ngày 26.

Số tiền đã giải ngân: 14.933.131.192 VNĐ theo 04 Giấy nhận nợ *(kèm theo Đơn khởi kiện)*.

Số tiền đã trả: 1.292.000.000 VNĐ

Số tiền còn nợ tính đến ngày 17/04/2023 là 14.719.023.567 VNĐ, gồm: Nợ gốc là 13.641.131.192 VNĐ, nợ lãi là 1.077.892.375 VNĐ.

Nhận nợ bắt buộc thanh toán L/C số 0860IL2200083:

Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm;

Lãi suất cho vay quá hạn: 13,5%/năm.

Số tiền đã giải ngân: 3.235.063.650 VNĐ theo hồ sơ hạch toán nhận nợ bắt buộc (kèm theo Đơn khởi kiện).

Số tiền đã trả: 0 VNĐ

Số tiền còn nợ tính đến ngày 17/04/2023 là 3.398.589.407 VNĐ, gồm: Nợ gốc là 3.235.063.650 VNĐ, Nợ lãi là 163.525.757 VNĐ.

Tính đến ngày 17/04/2023, tổng số tiền Công ty GC còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ct VN – Chi nhánh Cà Mau *(tạm quy đổi theo tỷ giá 23.495 VNĐ/USD)* là 103.867.538.580 VNĐ *(2.279.574,18 USD và 50.308.943.221 VNĐ)*, gồm: Nợ gốc 97.817.295.307 VNĐ *(2.169.018,96 USD và 46.856.194.842 VNĐ)*, Nợ lãi là 6.050.243.273 VNĐ *(110.555,22 USD và 3.452.748.379 VNĐ)*.

Tính đến ngày 04/7/2023, tổng số tiền Công ty GC còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN – Chi nhánh Cà Mau là 103.777.026.761VNĐ, nợ gốc 95.439.532.648đ, nợ lãi 8.337.494.113đ.

Hình thức bảo đảm nợ vay: Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty GC nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố sau đây:

1/ Hợp đồng thế chấp số 21.088.087/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 27/05/2021, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-21.088.087/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 19/10/2021 ký giữa NHCT VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của Công ty GC đối với thửa đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 253685 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/02/2018, ghi nhận góp vốn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy sản GC ngày 28/04/2021.Địa chỉ thửa đất: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 440, tờ bản đồ số: 01; diện tích: 4.060,0 m^2 (Bằng chữ: Bốn nghìn không trăm sáu mươi phẩy không mét vuông). Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (ghi nhận chuyển đổi mục đích ngày 28/04/2021). Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 300,0 m^2; Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 3.760,0 m^2.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được Công ty GC sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp/văn bản sửa đổi bổ sung, tài sản gắn liền với đất được ghi nhận trên Giấy tờ liên quan tới tài sản thế chấp là:

Nhà làm việc, khu kinh doanh các mặt hàng thuỷ sản được ghi nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số CX 804134 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 15/10/2021;

Công trình phụ trợ xây dựng trên đất.

Bao gồm các hạng mục sau:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình
I	**Nhà làm việc, khu kinh doanh các mặt hàng thuỷ sản**				
1	Văn phòng làm việc	276,3	276,3	Sở hữu riêng	Cấp 4
2	Nhà xưởng	835,0	835,0	Sở hữu riêng	Cấp 4
3	Nhà ăn	267,4	267,4	Sở hữu riêng	Cấp 4
4	Nhà kho	61,0	61,0	Sở hữu riêng	Cấp 4
5	Nhà vệ sinh	20,3	20,3	Sở hữu riêng	Cấp 4
6	Nhà bảo vệ	10,2	10,2	Sở hữu riêng	Cấp 4
7	Kho lạnh 300 tấn	287,9	287,9	Sở hữu riêng	Cấp 4
8	Xưởng 2 và Kho lạnh dự phòng	835,1	835,1	Sở hữu riêng	Cấp 4
9	Xưởng 3 và thu mua nguyên liệu	175,0	175,0	Sở hữu riêng	Cấp 4
10	Phòng quản lý chất lượng	33,3	33,3	Sở hữu riêng	Cấp 4
11	Phòng giặt bảo hộ	80,4	80,4	Sở hữu riêng	Cấp 4
II	**Công trình phụ trợ**				
1	Hồ xử lý nước thải	94,4	-	-	-
2	Hệ thống xử lý nước thải 300m^3/ngày đêm	-	-	-	-
3	Hồ nước sạch	12,2	-	-	-
4	Nhà xe	136,3	-	-	-
5	Trạm điện (bao gồm hệ thống trạm điện 1000KVA)	-	-	-	-
6	Sân đường nội bộ	1.731,9	-	-	-
7	Bờ kè cầu tàu	350,0	-	-	-

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình
8	Tường rào, cổng rào và bảng hiệu công ty	405,0	-	-	-
9	Đường nội bộ vào công ty	564,0	-	-	-
10	Cát san lấp	-	-	-	-

2/ Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 19.067.114/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 20/11/2019 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ct VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản cầm cố là giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN phát hành xác nhận quyền tài sản của Công ty GC, cụ thể như sau:

TT	Mã Trái phiếu	Số Giấy CNSHTP	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
1	CTG1929T2/01	5824	100 trái phiếu	10.000.000 VNĐ/Trái phiếu	10 năm	27/09/2019	27/09/2029

3/ Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 18.067.054/2018/HĐBĐ/NHCT860 ngày 31/05/2018 ký giữa NHCT VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là Phương tiện giao thông vận tải với các thông tin, đặc điểm sau:

- Loại xe: Xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 69A-017.24 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008639 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2017; loại xe: Ô tô con; Model: HYUNDAI Grand I-10; xuất xứ: Hàn Quốc; năm sản xuất: 2015; số khung: 41CAFM075812; số máy: G4LAEM527344; màu sơn: Trắng; biển số: 69A-017.24 cấp ngày 26/11/2017 (đăng ký lần đầu ngày 13/02/2015); Xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu DOTHANH, BKS: 69C-028.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008630 do Phòng cảnh sát giao thông - Công An tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2017.

- Loại xe: Ô tô tải thùng kín; Model: Dothanh Mighty HD99-TK; xuất xứ: Hàn Quốc; năm sản xuất: 2016; số khung: 17BPGD001095; số máy: D4DBGJ626278; màu sơn: xanh; tải trọng: 6.050 kg; biển số: 69C-028.27 cấp ngày 26/11/2017 (đăng ký lần đầu ngày 19/07/2016).

4/ Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 19.067.018/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 30/01/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 01-19.067.018/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 28/06/2022 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Ct VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là phương tiện giao thông vận tải với các thông tin, đặc điểm sau:

- Xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, BKS: 69A-006.17 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011466 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/11/2018; loại xe: Ô tô con; nhãn hiệu: Toyota Invova J; xuất xứ: Nhật Bản; năm sản xuất: 2008; số khung: 41G689050832; số máy: 1TR6617872; màu sơn: Xám; biển số: 69A-006.17 cấp ngày 06/11/2018 (đăng ký lần đầu ngày 12/01/2009).

- Xe ô tô tải, nhãn hiệu DOTHANH, biển kiểm soát: 69C-046.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 69000044 do Công an huyện Đầm Dơi cấp ngày 20/06/2022; nhãn hiệu: Dothanh Mighty; xuất xứ: Hàn Quốc; năm sản xuất: 2016; số khung: RPPGD17BPGD001368; số máy: D4DBGJ625372; màu sơn: Xanh; số chổ ngồi: 03 chỗ.

5/ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20.067.009/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 16/01/2020 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Ct VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị phục vụ sơ chế và bảo quản tôm nguyên liệu, cụ thể:

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng
01	**Container lạnh:** - Container lạnh 10feet & 40feet đã qua sử dụng - Vật liệu làm ngoài vỏ: thép không rỉ - Hệ thống lạnh: Thermoking sản xuất năm 2006 - Công suất: 7,5 Kw (10HP) - Môi chất lạnh: R134a – R404a - Nhiệt độ cài đặt: +30 độ C đến – 30 độ C - Nhiệt độ vận hành: +25 độ C đến – 25 độ C - Điện thế: 380V	03 cái

6/ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 21.088.114/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 08/06/2021, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01-21.088.114/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 11/10/2021 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ct VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là dây chuyền máy móc thiết bị phục vụ chế biến thuỷ sản đang đặt tại nhà máy sản xuất thủy sản của Công ty TNHH MTV thủy sản GC số 314, ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, cụ thể:

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng
A.	**Dây chuyền IQF lưới – 750kg/giờ**	**1**
1.	Nạp liệu IQF 750kg/giờ	1
2.	Băng chuyền IQF lưới - 750kg/giờ	1
3.	Máy mạ băng	1
4.	Băng chuyền tái đông RF – 900kg/giờ	1
B.	**Hệ thống lạnh – máy nén**	**1**

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng
1.	Máy nén trục vít Mycom	1
2.	Cụm máy Piston – Bitzer 25Hp	1
3.	Cụm máy Piston – Bitzer 15Hp	1
C.	**Hệ thống lạnh – kho lạnh và đá vảy**	**1**
1.	Hệ thống lạnh	1
2.	Máy phân cỡ	1
3.	Máy rửa nguyên liệu	1
4.	Máy đá vảy 10T	1
5.	Kho chứa đá vảy	1
6.	Kho lạnh 300 tấn	1

7/ Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 20.TINPN.072/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 03/12/2020 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty GC đối với các bên có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty GC phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty GC (các khoản phải thu này được hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty GC).

8/ Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 21.088.207/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 03/11/2021 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với Công ty GC: Tài sản thế chấp là: Hàng hóa là tôm nguyên liệu, tôm thành phẩm, vật tư (bao bì, hóa chất,…) thuộc quyền sở hữu của Công ty GC bao gồm: Hàng đang ở trong kho tọa lạc số 314, ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; Hàng đang đi trên đường; hàng hình thành trong tương lai.

9/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 19.067.089/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 26/08/2019 ký giữa NHCT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1 và bà Tống Thị Bảo D1: Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của ông Lê Văn C1 và bà Tống Thị Bảo D1 đối với thửa đất sau:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR339771 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/07/2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00808; địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 1021; Tờ bản đồ số: 1; diện tích: 500,6m^2 (năm trăm phẩy sáu mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: đến ngày 30/03/2065; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số CR339772 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/07/2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS00809. Địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 1022; tờ bản đồ số: 1; diện tích: 500 m^2 (Năm trăm mét vuông); hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: đến ngày 30/03/2065; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR339773 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/07/2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS00810. Địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 1023; Tờ bản đồ số: 1; diện tích: 500,2m^2 (năm trăm phẩy hai mét vuông); hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: đến ngày 30/03/2065; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 và bà Tống Thị Bảo D1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

10/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 21.088.181/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 21/09/2021 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1: Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của ông Lê Văn C1 đối với thửa đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 253686 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau uỷ quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/02/2018. Địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; Thửa đất số: 987; Tờ bản đồ số: 1; Diện tích: 658,0 m^2 (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi tám phẩy không mét vuông); Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm 38,5 m^2, đất sản xuất kinh doanh 619,5 m^2 (ghi nhận chuyển mục đích sử dụng đất ngày 20/07/2021); thời hạn sử dụng: đến ngày 19/03/2044; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

11/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19.067.019/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 30/01/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-19.067.019/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 30/08/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02-19.067.019/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 09/11/2021 ký giữa Ngân hàng Thương

mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng của ông Lê Văn C1 đối với thửa đất sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK253758 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/02/2018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS02288; địa chỉ thửa đất: k 3, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 12; tờ bản đồ số: 22; Diện tích: 475 m^2 (Bốn trăm bảy mươi lăm mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở: 150 m^2, đất nuôi trồng thủy sản: 325m^2; thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất nuôi trồng thủy sản: đến 15/10/2063; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 150m^2; nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 325m^2.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH696765 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/07/2017 (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau ghi nhận thay đổi chủ sở hữu ngày 08/02/2018), số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00052. Địa chỉ thửa đất: xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 119; tờ bản đồ số: 10; diện tích: 119,7m^2 (một trăm mười chín phẩy bảy mét vuông); hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: Đến 06/04/2054; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

12/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 18.067.053/2018/HĐBĐ/NHCT860 ngày 31/05/2018, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01-18.067.053/2018/HĐBĐ/NHCT860 ngày 27/12/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02-18.067.053/2018/HĐBĐ/NHCT860 ngày 05/05/2021 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1: Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của ông Lê Văn C1 đối với thửa đất sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB708859 do Ủy ban nhân dân Thành phố Cà Mau cấp ngày 30/09/2015 (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ghi nhận thay đổi chủ sở hữu ngày 28/02/2018), số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH000049; địa chỉ thửa đất: xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 322; tờ bản đồ số: 7; diện tích: 5.224,8 m^2 (Năm ngàn hai trăm hai mươi bốn phẩy tám mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng 5.224,8 m^2 (Năm ngàn hai trăm hai mươi bốn phẩy tám mét vuông); mục đích sử dụng: đất ở: 300m^2, đất trồng cây lâu năm: 4.924,8m^2; thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: đến 01/06/2043; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

13/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 22.YTTN.011/2022/HĐBĐ/NHCT860 ngày 27/01/2022 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1: tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của ông Lê Văn C1 đối với thửa đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 702521 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau uỷ quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 14/01/2022; địa chỉ thửa đất: ấp HT, xã LTT, huyện CN, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 276; tờ bản đồ số: 13; diện tích: 906,9 m^2 (bằng chữ: chín trăm lẻ sáu phẩy chín mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 17/01/2044; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 702522 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau uỷ quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 14/01/2022; địa chỉ thửa đất: ấp HT, xã LTT, huyện CN, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 277; tờ bản đồ số: 13; diện tích: 1.838,8 m^2 (bằng chữ: một nghìn tám tăm ba mươi tám phẩy tám mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng: đến ngày 17/01/2064; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

14/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 21.088.054/2021/HĐBĐ/NHCT860 ngày 20/04/2021 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C. Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của ông Lê Văn C đối với thửa đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 672604 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 21/05/2020, ghi nhận chuyển nhượng cho ông Lê Văn Châu ngày 15/06/2020. Địa chỉ thửa đất: Ấp 12, xã PTT B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; thửa đất số: 445; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 300,0 m^2 (Bằng chữ: ba trăm mét vuông); mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 672605 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/05/2020, ghi nhận chuyển nhượng cho ông Lê Văn Châu ngày 15/06/2020. Địa chỉ thửa đất: Ấp 12, xã PTT B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; thửa đất số: 446; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 2.146,9 m^2 (Bằng chữ: hai nghìn một trăm bốn mươi sáu phẩy chín mét vuông); mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thuỷ sản; thời hạn sử dụng: đến ngày 01/12/2022; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng như giao đất không thu tiền; các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

15/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 22.YTTN.028/2022/HĐBĐ/NHCT860 ngày 28/02/2022 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng của ông Lê Văn C1 đối với thửa đất sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 368405 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 06/07/2020, ghi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C1 ngày 08/02/2022. Địa chỉ thửa đất: Ấp 6, xã TT, huyện CĐ, tỉnh Long An; thửa đất số: 1016; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 317m^2 (Bằng chữ: Ba trăm mười bảy mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 368406 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 06/07/2020, ghi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C1 ngày 08/02/2022. Địa chỉ thửa đất: Ấp 6, xã TT, huyện CĐ, tỉnh Long An; thửa đất số: 1017; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 315m^2 (Bằng chữ: ba trăm mười lăm mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Văn C1 sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

16/ Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.0185/HĐBĐ ngày 05/07/2017 ký giữa giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Văn C1: Tài sản thế chấp là xe tải thùng kín hiệu JAC, biển số xe 69C-001.51, số giấy chứng nhận đăng ký xe 000650 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/10/2014; loại phương tiện: tải thùng kín; nhãn hiệu: JAC; số loại: TRA1047K; số chỗ ngồi: 03; số khung: 42D4AB000148; số máy: A1-1A4015708; tải trọng: 2.800 kg; dung tích động cơ: 2.771cm^3; năm sản xuất: 2010; xuất xứ: Trung Quốc; màu sơn: bạc.

17/ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.0189/HĐBĐ ngày 05/07/2017, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-17.0189/2017/HĐBĐ/NHCT 860 ngày 24/08/2021 ký giữa giữa Ngân hàng

Thương mại cổ phần CT VN - Chi nhánh Cà Mau với ông Lê Tấn K và bà Khưu Thị D. Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của ông Lê Tấn K và bà Khưu Thị D đối với thửa đất sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 085468, số vào sổ 20257, do Ủy ban nahan dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 06/02/1995; địa chỉ thửa đất: tọa lạc ấp TC, xã TP (nay là xã TT), huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 0119; tờ bản đồ số: 04; diện tích: 7.800 m^2 (Bằng chữ: bảy ngàn tám trăm mét vuông); hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 7.800 m^2 (Bằng chữ: bảy ngàn tám trăm mét vuông), sử dụng chung: không; mục đích sử dụng: đất ở: 300m^2, đất lập vườn: 7.500m^2; thời hạn sử dụng: đất thổ cư: lâu dài, đất vườn: 06/02/2045; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được ông Lê Tấn K và bà Khưu Thị D sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.

Kể từ ngày 27/09/2022, Công ty GC bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ với NHCT VN theo các thỏa thuận đã ký. Mặc dù giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần CT VN đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc để đề nghị Công ty GC trả toàn bộ khoản nợ, đồng thời phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố nhưng Công ty GC không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bên thế chấp và Công ty GC không phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp theo các phương thức đã thỏa thuận tại các Hợp đồng thế chấp/cầm cố.

Nay Ngân hàng CT yêu cầu:

Công ty GC đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các thỏa thuận đã ký kết, không thể hiện thiện chí và sự hợp tác với Ngân hàng trong việc xử lý nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã rất nhiều làm việc, động viên, đôn đốc khách hàng giải quyết dứt điểm tình trạng nợ quá hạn, nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Vi phạm của Công ty GC đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP CT VN. Vì vậy, Ngân hàng TMCP CT VN kính đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau :

Buộc Công ty GC thanh toán cho Ngân hàng TMCP CT VN toàn bộ số tiền gốc, nợ lãi và các chi phí khác phát sinh theo các Hợp đồng cho vay và cam kết đã ký với Ngân hàng TMCP CT VN với tổng số tiền tạm tính *(quy đổi theo tỷ giá 23.495 VNĐ/USD)* đến ngày 21/04/2023 là 103.867.538.580 đồng (bằng chữ: Một trăm lẻ ba tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng), cụ thể như sau:

Số TK	**Đồng tiền nhận nợ**	**Ngày nhận nợ**	**Nợ gốc**	**Nợ lãi**
805005095319	**USD**	**02/06/2022**	**199.018,96**	**11.005,67**
802005106559	USD	09/06/2022	279.000,00	14.130,12

809005121770	USD	17/06/2022	275.000,00	14.300,06
809005129011	USD	22/06/2022	143.000,00	7.374,17
806005143409	USD	30/06/2022	144.000,00	7.355,64
804005146993	USD	01/07/2022	305.000,00	15.557,10
800005157767	USD	08/07/2022	127.000,00	6.414,89
805005170140	USD	15/07/2022	124.000,00	6.200,32
803005177312	USD	20/07/2022	135.000,00	6.692,88
804005179739	USD	21/07/2022	141.000,00	6.990,12
808005194871	USD	29/07/2022	297.000,00	14.534,25
Tổng cộng (USD)		***2.169.018,96***	***110.555,22***	
808005208749	VND	09/08/2022	6.500.000.000	483.031.220
808005216838	VND	15/08/2022	3.400.000.000	250.128.778
803005230873	VND	23/08/2022	6.300.000.000	461.053.165
803005272198	VND	16/09/2022	1.800.000.000	117.539.253
753000000146	VND	05/12/2022	3.235.063.650	163.525.757
805003847720	VND	17/01/2020	2.510.000.000	196.581.557
804003888323	VND	02/03/2020	1.500.000.000	95.454.467
806003941774	VND	09/04/2020	1.220.000.000	91.776.575
807004576534	VND	17/06/2021	6.750.000.000	515.765.232
801004603451	VND	05/07/2021	7.220.000.000	565.937.005
806004675724	VND	27/08/2021	1.096.000.000	88.396.421
804004678748	VND	31/08/2021	2.666.255.192	215.065.431
806004755874	VND	22/10/2021	2.658.876.000	208.493.518
Tổng cộng (VND)		***46.856.194.842***	***3.452.748.379***	
Tổng cộng (quy đổi tỷ giá 23.495 VND/USD)		**97.817.295.307**	**6.050.243.273**	

Đồng thời, Công ty GC còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi, chi phí phát sinh theo các Hợp đồng cho vay, cam kết đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP CT VN.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty GC không thực hiện trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP CT VN được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký nêu tại Mục 1 Đơn khởi kiện này để thu hồi khoản nợ của Công ty GC.

Anh Lê Văn Ctrình bày: Anh thừa nhận Công ty GC có ký kết các hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo và số tiền nợ vốn, lãi như Ngân hàng CT trình bày là đúng. Nay anh yêu cầu Ngân hàng CT xem xét giảm lãi, khoanh nợ và kéo dài thời gian trả nợ .... theo nội dung của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023. Yêu cầu Ngân hàng CT phối hợp với Công ty GC để xử lý khoản nợ của Ngân hàng CT.

Ông Đặng Văn Xía trình bày: Năm 2002, ông K chuyển nhượng phần đất ngang 06m, dài 22m, giá 48 chỉ vàng 24k (phần đất giáp ông R, bà T1, ông K). Khi chuyển nhượng phần đất do ông K đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông chưa thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Huỳnh Văn R trình bày: Năm 2008, ông nhận chuyển nhượng phần đất của ông K ngang 08m, dài 25m, giá 48 chỉ vàng 24k (phần đất giáp ông X, bà L, phần đất còn lại của ông K). Khi chuyển nhượng phần đất do ông K đứng tên. Hiện ông chưa thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2016, bà nhận chuyển nhượng phần đất của bà M (bà M nhận chuyển nhượng của ông K) ngang 06m, dài 25m, giá 100.000.000đ (phần đất giáp ông R, bà N phần đất còn lại của ông K). Khi chuyển nhượng phần đất do ông K đứng tên. Hiện bà chưa thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Lê Thị N trình bày: Phần đất trước đây là của cha bà cụ Lê Văn L2 cho lại ông K. Cha của bà với ông K có thỏa thuận cho bà phần đất ngang 07m, dài 25m (phần đất giáp bà L, ông K). Phần đất bà chưa sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Phạm Thị T1 trình bày: Năm 2002, bà nhận chuyển nhượng phần đất của ông K ngang 06m, dài 25m, giá 45 chỉ vàng 24k (phần đất giáp ông X, phần đất còn lại của ông K). Khi chuyển nhượng phần đất do ông K đứng tên. Hiện bà chưa thực hiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với ông Lê Tấn K, bà Khưu Thị D, bà Nguyễn Thị L1, anh Lê Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng CT yêu cầu Công ty GC trả số tiền vốn 98.744.107.555đ, lãi 9.635.219.107đ, tổng cộng 108.379.326.662đ; lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT VN, buộc Công ty TNHH MTV thủy sản GC trả cho Ngân hàng CT tổng số tiền vốn 98.744.107.555đ, lãi 9.635.219.107đ, tổng cộng 108.379.326.662đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng CT được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp Công ty GC không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Lê Tấn K, bà Khưu Thị D, chị Tống Thị Bảo D1, bà Lê Thị Lệ E, bà Phạm Thị T1, bà Nguyễn Thị L, ông Đặng Văn X, ông Huỳnh Văn R và bà Nguyễn Thị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn C1, bà Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT, Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty GC có ký kết các hợp đồng tín dụng và nhận nợ bắt buộc thanh toán L/C với Ngân hàng CT. Đồng thời, Công ty GC có ký kết tiếp các hợp đồng thế chấp tài sản đối với các phần đất, nhà xưởng, nhà kho, thiết bị, xe ..... để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng CT là thực tế có xãy ra. Nay Ngân hàng CT yêu cầu Công ty GC trả số tiền vốn 98.744.107.555đ, lãi 9.635.219.107đ thì Công ty GC đồng ý. Tuy nhiên, Công ty GC yêu cầu Ngân hàng CT xem xét giảm lãi, khoanh nợ và kéo dài thời gian trả nợ .... theo nội dung của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước, nhưng Ngân hàng CT không đồng ý. Xét thấy: Số tiền nợ của Công ty GC đối với Ngân hàng CT hiện đã quá hạn, đồng thời Công ty GC cũng không thuộc trường hợp để áp dụng Thông tư số

02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023. Do đó, yêu cầu của Công ty GC không được chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng CT với Công ty GC về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày 14/8/2023 Công ty GC còn nợ Ngân hàng CT số tiền vốn 98.744.107.555đ, lãi 9.635.219.107đ, tổng cộng 108.379.326.662đ. Như vậy, việc Công ty GC không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng CT, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng CT về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/8/2023 là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng CT về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp Công ty GC không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của Ngân hàng CT là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với các phần đất được tặng cho và chuyển nhượng của ông X, ông R, bà N, bà T1, bà L và bà Lệ E nằm trong phần đất thế chấp cho Ngân hàng CT thì trong quá trình giải quyết các đương sự này tự thỏa thuận, không khởi kiện yêu cầu giải quyết. Xét thấy: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[8] Đối với bà L1 và anh T2 là người ở trên đất anh C1 thế chấp cho Ngân hàng CT, thấy rằng: phần đất đó thuộc quyền sử dụng của bà L1, bà L1 đã chuyển nhượng cho anh C1. Hiện bà L1 với anh T2 được anh C1 cho ở nhờ trên phần đất. Như vậy, trường hợp Công ty GC không thanh toán đủ tiền cho Ngân hàng CT thì Ngân hàng CT đủ điều kiện yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phần đất để thu hồi nợ.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty GC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[11] Xét chi phí tố tụng: Công ty GC phải chịu chi phí xem xét tại chỗ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN số tiền là 108.379.326.662 đồng (một trăm lẻ tám tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu bă trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/8/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ là:

3.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 253685 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/02/2018; địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 440, tờ bản đồ số: 01; diện tích: 4.060,0 m^2 (Bằng chữ: bốn nghìn không trăm sáu mươi phẩy không mét vuông).

Tài sản gắn liền với thửa đất là: nhà làm việc, khu kinh doanh các mặt hàng thuỷ sản được ghi nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 804134 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 15/10/2021;

Công trình phụ trợ xây dựng trên đất.

Bao gồm các hạng mục sau:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình
I	**Nhà làm việc, khu kinh doanh các mặt hàng thuỷ sản**				
1	Văn phòng làm việc	276,3	276,3	Sở hữu riêng	Cấp 4
2	Nhà xưởng	835,0	835,0	Sở hữu riêng	Cấp 4
3	Nhà ăn	267,4	267,4	Sở hữu riêng	Cấp 4
4	Nhà kho	61,0	61,0	Sở hữu riêng	Cấp 4
5	Nhà vệ sinh	20,3	20,3	Sở hữu riêng	Cấp 4
6	Nhà bảo vệ	10,2	10,2	Sở hữu riêng	Cấp 4
7	Kho lạnh 300 tấn	287,9	287,9	Sở hữu riêng	Cấp 4
8	Xưởng 2 và Kho lạnh dự phòng	835,1	835,1	Sở hữu riêng	Cấp 4
9	Xưởng 3 và thu mua nguyên liệu	175,0	175,0	Sở hữu riêng	Cấp 4
10	Phòng quản lý chất lượng	33,3	33,3	Sở hữu riêng	Cấp 4
11	Phòng giặt bảo hộ	80,4	80,4	Sở hữu riêng	Cấp 4
II	**Công trình phụ trợ**				
1	Hồ xử lý nước thải	94,4	-	-	-
2	Hệ thống xử lý nước thải 300m^3/ngày đêm	-	-	-	-
3	Hồ nước sạch	12,2	-	-	-
4	Nhà xe	136,3	-	-	-
5	Trạm điện (bao gồm hệ thống trạm điện 1000KVA)	-	-	-	-
6	Sân đường nội bộ	1.731,9	-	-	-
7	Bờ kè cầu tàu	350,0	-	-	-
8	Tường rào, cổng rào và bảng hiệu công ty	405,0	-	-	-
9	Đường nội bộ vào công ty	564,0	-	-	-
10	Cát san lấp	-	-	-	-

3.2. Tài sản cầm cố là giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN phát hành xác nhận quyền tài sản của Công ty GC, cụ thể như sau:

TT	Mã Trái phiếu	Số Giấy CNSHTP	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
1	CTG1929T2/01	5824	100 trái phiếu	10.000.000 VNĐ/Trái phiếu	10 năm	27/09/2019	27/09/2029

3.3. Tài sản thế chấp là phương tiện giao thông vận tải với các thông tin, đặc điểm sau:

Xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 69A-017.24 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008639 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2017. Loại xe: Ô tô con; model: HYUNDAI Grand I-10; xuất xứ: Hàn Quốc; năm sản xuất: 2015; số khung: 41CAFM075812; số máy: G4LAEM527344; màu sơn: trắng; biển số: 69A-017.24 cấp ngày 26/11/2017 (đăng ký lần đầu ngày 13/02/2015).

Xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu DOTHANH, BKS: 69C-028.27 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008630 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2017. Loại xe: ô tô tải thùng kín; model: Dothanh Mighty HD99-TK; xuất xứ: Hàn Quốc; năm sản xuất: 2016; số khung: 17BPGD001095; số máy: D4DBGJ626278; màu sơn: xanh; tải trọng: 6.050 kg; biển số: 69C-028.27 cấp ngày 26/11/2017 (đăng ký lần đầu ngày 19/07/2016).

3.4. Tài sản thế chấp là phương tiện giao thông vận tải với các thông tin, đặc điểm sau:

Xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát: 69A-006.17 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011466 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/11/2018. Loại xe: Ô tô con; nhãn hiệu: Toyota Invova J; xuất xứ: Nhật Bản; năm sản xuất: 2008; số khung: 41G689050832; số máy: 1TR6617872; màu sơn: Xám; biển số: 69A-006.17 cấp ngày 06/11/2018 (đăng ký lần đầu ngày 12/01/2009).

Xe ô tô tải, nhãn hiệu DOTHANH, biển kiểm soát: 69C-046.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 69000044 do Công an huyện Đầm Dơi cấp ngày 20/06/2022; nhãn hiệu: Dothanh Mighty; xuất xứ: Hàn Quốc; năm sản xuất: 2016; số khung: RPPGD17BPGD001368; số máy: D4DBGJ625372; màu sơn: Xanh; số chổ ngồi: 03 chỗ.

3.5. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị phục vụ sơ chế và bảo quản tôm nguyên liệu, cụ thể:

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng

01	**Container lạnh:** - Container lạnh 10feet & 40feet đã qua sử dụng - Vật liệu làm ngoài vỏ: thép không rỉ - Hệ thống lạnh: Thermoking sản xuất năm 2006 - Công suất: 7,5 Kw (10HP) - Môi chất lạnh: R134a – R404a - Nhiệt độ cài đặt: +30 độ C đến – 30 độ C - Nhiệt độ vận hành: +25 độ C đến – 25 độ C - Điện thế: 380V	04 Cái

3.6. Tài sản thế chấp là dây chuyền máy móc thiết bị phục vụ chế biến thuỷ sản đang đặt tại nhà máy sản xuất thủy sản của Công ty TNHH MTV thủy sản GC số 314, ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, cụ thể:

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng
A.	**Dây chuyền IQF lưới – 750kg/giờ**	**1**
1.	Nạp liệu IQF 750kg/giờ	1
2.	Băng chuyền IQF lưới - 750kg/giờ	1
3.	Máy mạ băng	1
4.	Băng chuyền tái đông RF – 900kg/giờ	1
B.	**Hệ thống lạnh – máy nén**	**1**
1.	Máy nén trục vít Mycom	1
2.	Cụm máy Piston – Bitzer 25Hp	1
3.	Cụm máy Piston – Bitzer 15Hp	1
C.	**Hệ thống lạnh – kho lạnh và đá vảy**	**1**
1.	Hệ thống lạnh	1
2.	Máy phân cỡ	1
3.	Máy rửa nguyên liệu	1
4.	Máy đá vảy 10T	1
5.	Kho chứa đá vảy	1
6.	Kho lạnh 300 tấn	1

3.7. Tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty GC đối với các bên có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty GC phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty GC (các khoản phải thu này được hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty GC).

3.8. Hàng hóa là tôm nguyên liệu, tôm thành phẩm, vật tư (bao bì, hóa chất,…) thuộc quyền sở hữu của Công ty GC bao gồm: hàng đang ở trong kho tọa lạc số 314, ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; hàng đang đi trên đường; hàng hình thành trong tương lai.

3.9. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR339771 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/07/2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00808; địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã

TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 1021; tờ bản đồ số: 1; diện tích: 500,6 m^2 (Năm trăm phẩy sáu mét vuông).

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR339772 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/07/2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00809; địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 1022; tờ bản đồ số: 1; diện tích: 500m^2 (Năm trăm mét vuông).

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR339773 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/07/2019, số vào sổ cấp cấp giấy chứng nhận: CS00810; địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 1023; tờ bản đồ số: 1; diện tích: 500,2m^2 (Năm trăm phẩy hai mét vuông).

3.10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 253686 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau uỷ quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/02/2018; địa chỉ thửa đất: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 987; tờ bản đồ số: 1; diện tích: 658,0 m^2 (Bằng chữ: sáu trăm năm mươi tám phẩy không mét vuông).

3.11. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK253758 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/02/2018, số vào sổ cấp cấp giấy chứng nhận: CS02288; địa chỉ thửa đất: k 3, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 12; tờ bản đồ số: 22; diện tích: 475m^2 (Bốn trăm bảy mươi lăm mét vuông).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH696765 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/07/2017 (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau ghi nhận thay đổi chủ sở hữu ngày 08/02/2018), số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00052; địa chỉ thửa đất: xã HT, Thành phố CM, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 119; tờ bản đồ số: 10; diện tích: 119,7m^2 (Một trăm mười chín phẩy bảy mét vuông).

3.12. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB708859 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 30/09/2015 (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ghi nhận thay đổi chủ sở hữu ngày 28/02/2018), số vào sổ cấp cấp giấy chứng nhận: CH000049; địa chỉ thửa đất: xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 322; tờ bản đồ số: 7; diện tích: 5.224,8 m^2 (Năm ngàn hai trăm hai mươi bốn phẩy tám mét vuông).

3.13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 702521 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau uỷ quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 14/01/2022; địa chỉ thửa đất: Ấp HT, xã LTT, huyện CN, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 276; tờ bản đồ số: 13; diện tích: 906,9m^2 (Bằng chữ: chín trăm lẻ sáu phẩy chín mét vuông).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 702522 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Cà Mau uỷ quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp ngày 14/01/2022; địa chỉ thửa đất: Ấp HT, xã LTT, huyện CN, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 277; tờ bản đồ số: 13; diện tích: 1.838,8m^2 (Bằng chữ: một nghìn tám tăm ba mươi tám phẩy tám mét vuông).

3.14. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 672604 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cấp ngày 21/05/2020, ghi nhận chuyển nhượng cho ông Lê Văn C1 ngày 15/06/2020; địa chỉ thửa đất: Ấp 12, xã PTT B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; thửa đất số: 445; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 300,0 m^2 (Bằng chữ: ba trăm mét vuông).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 672605 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/05/2020, ghi nhận chuyển nhượng cho ông Lê Văn C1 ngày 15/06/2020; địa chỉ thửa đất: Ấp 12, xã PTT B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; thửa đất số: 446; tờ bản đồ số: 11; dện tích: 2.146,9m^2 (Bằng chữ: hai nghìn một trăm bốn mươi sáu phẩy chín mét vuông).

3.15. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 368405 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 06/07/2020, ghi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C1 ngày 08/02/2022; địa chỉ thửa đất: Ấp 6, xã TT, huyện CĐ, tỉnh Long An; thửa đất số: 1016; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 317 m^2 (Bằng chữ: ba trăm mười bảy mét vuông).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 368406 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 06/07/2020, ghi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C1 ngày 08/02/2022; địa chỉ thửa đất: Ấp 6, xã TT, huyện CĐ, tỉnh Long An; thửa đất số: 1017; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 315m^2 (Bằng chữ: ba trăm mười lăm mét vuông).

3.16. Tài sản thế chấp là xe tải thùng kín hiệu JAC, biển số xe 69C-001.51, Số GCN đăng ký xe 000650 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/10/2014: loại phương tiện: tải thùng kín; nhãn hiệu: JAC; số loại: TRA1047K; số chỗ ngồi: 03; số khung: 42D4AB000148; số máy: A1-1A4015708; tải trọng: 2.800 kg; dung tích động cơ: 2771cm^3; năm sản xuất: 2010; xuất xứ: Trung Quốc; màu sơn: Bạc.

3.17. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 085468, số vào sổ 20257, quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 06/02/1995; địa chỉ thửa đất toạ lạc ấp TC, xã TP (nay là xã TT), huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; thửa đất số: 0119; tờ bản đồ số: 04; diện tích: 7.800m^2 (Bằng chữ: bảy ngàn tám trăm mét vuông).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN 105.934.000

đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014060 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 216.379.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC phải chịu chi phí xem xét tại chỗ là 3.000.000 đồng. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC có nghĩa vụ nộp số tiền 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN.

6. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT VN có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí tố tụng, nếu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên thủy sản GC chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng Công ty GC còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh